

Phụ lục I

TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II
TỔ: VĂN – SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN GIÁO DỤC KHỐI LỚP 6

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 08; Số học sinh: 317 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:17; Trình độ đào tạo: Cao đẳng:01; Đại học: 13 Trên đại học: 03

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, máy chiếu	10	Dạy các tiết hình thành kiến thức mới, thực hành	Nhà trường trang bị để ở các lớp học
2	Phiếu học tập		Dạy các tiết hình thành kiến thức mới, thực hành	Giáo viên chủ động chuẩn bị
3	Bảng nhóm	5	Dạy các tiết hình thành kiến thức mới, thực hành, luyện	Các lớp chuẩn bị

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập: *Không*

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình môn GDCD 6

STT	Bài học/bài kiểm tra đánh giá định kì	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1,2,3	Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình	3	1. Về kiến thức: - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.	

	và dòng họ		– Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. – Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch để không ngừng phát huy và nâng cao các trị truyền thống tốt đẹp. 3. Về phẩm chất : <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ. <i>Nhân ái:</i> Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà ông bà, bố mẹ, ...và các thế hệ đi trước đã xây dựng. <i>Trách nhiệm:</i> Có có ý thức tìm hiểu, tham gia các hoạt động của gia đình dòng họ, quan tâm đến các công việc của gia đình.	
4,5	Bài 2: Yêu thương con người	2	. Về kiến thức: – Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. – Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. – Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. – Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác. – Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. 2. Về năng lực: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân ... 3. Về phẩm chất: <i>Yêu nước:</i> Có ý thức tìm hiểu các giá trị, phẩm chất của yêu thương con người của người Việt Nam. <i>Chăm chỉ:</i> Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống yêu thương con người.	
6,7,8	Bài 3: Siêng năng, kiên trì	3	1. Về kiến thức: – Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì.	

			– Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. – Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. – Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động. – Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra	
9	Kiểm tra giữa kì I	1	1. Về kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân	Hình thức kiểm tra:

			<i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	
10, 11	Bài 4: Tôn trọng sự thật.	2	1. Về kiến thức: - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Tự giác thực hiện một cách đúng đắn những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện. 3. Về phẩm chất <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân. <i>Trách nhiệm:</i> thực hiện đúng nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật, không tiếp tay cho kẻ xấu.	
12, 13	Bài 5: Tự lập	2	1. Về kiến thức: - Nêu được khái niệm tự lập. - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. - Hiểu vì sao phải tự lập. Hướng dẫn học sinh giải thích một cách đơn giản vì sao phải tự lập - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống; <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội.	

			3. Về phẩm chất Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân; Trách nhiệm: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện	
14, 15, 16	Bài 6: Tự nhận thức bản thân	2	1. Về kiến thức: – Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. – Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. – Biết tôn trọng bản thân. – Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. – Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống; <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội. 3. Về phẩm chất Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân; Trách nhiệm: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện	
17	Ôn tập học kì I	1	- Nắm kiến thức đã học trong chương trình HKI - Rèn luyện củng cố kĩ năng phân tích các tình huống thực tế. - Tự rèn luyện theo các giá trị đạo đức đã học - Năng lực tự học, tự tìm kiếm thông tin, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo.	
18	Kiểm tra cuối kì I	1	1. Về kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.	Hình thức kiểm tra:

			- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Về phẩm chất: <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	
19, 20, 21	Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm	3	1. Về kiến thức: – Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. – Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. – Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những kỹ năng sống cơ bản, phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản như để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong cuộc sống. <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Phát hiện và giải quyết được những tình huống phát sinh trong cuộc sống hàng ngày. 3. Về phẩm chất <i>Chăm chỉ:</i> Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.	

			<i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi xâm hại, phá hoại thiên nhiên.	
22, 23, 24	Bài 8: Tiết kiệm	3	1. Về kiến thức: – Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước, ...). – Hiểu vì sao phải tiết kiệm. – Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. – Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. – Phê phán những biểu hiện lãng phí. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh, tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước, bước đầu biết quản lý tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lý. <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống, không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, hiểu được vai trò của tiết kiệm. <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Lập được kế hoạch chi tiêu hợp lý của bản thân, từng bước hiểu và coi trọng tiền bạc một cách hợp lý, biết cách quản lý tiền bạc của bản thân một cách phù hợp. 3. Về phẩm chất <i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tiết kiệm của công, trân trọng những giá trị vật chất do mình và mọi người tạo ra. <i>Trách nhiệm:</i> Có thói quen chi tiêu và sử dụng hợp lý tiết kiệm tiền bạc và của cải vật chất của mình và mọi người	
25	Bài 9: Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (T1)	2	1. Về kiến thức: – Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về	

			quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. – Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những khái niệm pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Xác định được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam. Có ý thức tìm hiểu pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Phân tích được tình huống liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân giải quyết được một cách phù hợp các huống trong đời sống. 3. Về phẩm chất <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. <i>Nhân ái:</i> tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người khác, không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực. <i>Trung thực:</i> Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm của công; đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	
26	Kiểm tra giữa kì 2	1	1. Về kiến thức - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập. 3. Về phẩm chất <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận	Hình thức kiểm tra:

			những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.	
27	Bài 9: Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (T2)	2	1. Về kiến thức: – Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. – Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những khái niệm pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Xác định được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam. Có ý thức tìm hiểu pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Phân tích được tình huống liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân giải quyết được một cách phù hợp các huống trong đời sống. 3. Về phẩm chất <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. <i>Nhân ái:</i> tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người khác, không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực. <i>Trung thực:</i> Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm của công; đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	
28,29	Bài 10; Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	2	1. Về kiến thức: – Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. – Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. – Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà	

			trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. – Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được quy định của PL phổ thông về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. Tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Có kế hoạch để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, vào những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. 3. Về phẩm chất <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt. <i>Nhân ái:</i> Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mọi người, cùng nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân của người khác.	
30,31	Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em	2	1. Về kiến thức - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em, ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em. - Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình. 3. Về phẩm chất <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em. <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử.	
32, 33	Bài 12: Thực hiện quyền của trẻ em	2	1. Về kiến thức - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện	

			quyền trẻ em. - Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. 2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình. 3. Về phẩm chất <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em. <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải, bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử.	
34	Ôn tập học kì II	1	- Nắm kiến thức đã học trong chương trình HKII - Rèn luyện củng cố kĩ năng phân tích các tình huống thực tế. - Tự rèn luyện theo các giá trị đạo đức đã học - Năng lực tự học, tự tìm kiếm thông tin, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo.	
35	Kiểm tra cuối kì II	1	1. Kiến thức: - Kiểm tra kiến thức của học sinh nhằm đánh giá kiến thức của học sinh từ đầu năm học đến nay. 2. Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo... 3. Phẩm chất: - Yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.	Hình thức kiểm tra:

Mạo Khê, ngày tháng năm 2022

TỔ TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Từ Thị Hiền

Trần Thị Ánh Tuyết

